

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HUYỀN NGHĨA

QUYỂN 9 (HẠ)

5. Làm thể của khắp tất cả pháp : Như Quán Kinh nói “Tỳ Lô Giá Na biến khắp tất cả chỗ”. Tất cả chỗ này không vượt ra ngoài “Tứ đế”. Đại kinh nói “những gì Phật không nói thì như đất khắp mười phương còn những gì Phật nói thì như đất trên đầu móng tay”. Ca Diếp nói “Đã nói Tứ đế này Phật còn chưa nói thì nên có năm đế?”. Phật bảo “không có! Chỉ cần nói Tứ đế này đã có vô lượng tướng!” Nếu rộng khai mở thì thành bốn loại Tứ đế đầy đủ như trong phần “Cảnh diệu” đã nói. Nên biết Khổ và Tập thuộc nhân quả của thế gian, Đạo và Diệt thuộc tất cả nhân quả của xuất thế đều dùng Thật tướng làm thể. Tịnh Danh nói “từ vô trụ vốn thiết lập tất cả pháp” chính là nghĩa ấy. Do nương tựa vào đó mà thể thể đều vi diệu không khác, cũng nương vào đó mà pháp pháp có thô và diệu. Tướng của các pháp phân biệt đối đãi như vậy có thể biết. Trải qua năm vị giáo phân biệt thô và diệu cũng có thể biết. Việc khai mở thô để hiển bày diệu cũng có thể biết v.v... Như vậy là đã lược nói xong thể của kinh.

Chương lớn thứ ba, nói rõ về Tông. Tông là nền tảng của sự tu hành, là cơ sở cốt yếu để hiển bày thể. Như rường cột giữ lấy ngôi nhà, tự động đan kết nhau để ràng buộc nâng đỡ bền chắc. Nếu rường không bị mục nát thì ngôi nhà tồn tại. Việc giải thích về “tông” được chia làm năm phần: 1. Giản lược tông và thể; 2. Nêu ra tông; 3. Sự đồng và khác của các kinh; 4. Nêu rõ thô và diệu; 5. Tổng kết nhân quả.

1. Trong việc giản lược “tông” thì có người nói “tông tức là thể và thể tức là tông” nhưng nay không dùng đến quan điểm đó, vì sao? Vì tông suy đến cùng đã là nhân quả, nhân quả tức hai thể. Nếu chẳng phải nhân chẳng phải quả thì thể tức không hai. Thể nếu có hai thì chẳng phải thể. Thể nếu không có hai thì thể chẳng phải tông. Nếu tông không

có hai thứ thì chẳng phải tông, tông nếu là hai tức không thể. Vậy có sao lại nói thể tức là tông và tông tức là thể? Lại nữa, rường cột vốn để ràng buộc ngôi nhà, không gian của ngôi nhà được rường cột giữ lấy, không nên dùng rường cột là không gian của nhà và ngược lại. Tông và thể nếu là một thì lỗi ấy cũng như vậy. Lại nữa nếu nói tông và thể khác biệt nhau thì hai pháp điều hòa riêng biệt. Khi ấy, tông chẳng phải tông để hiển bày thể, thể chẳng phải thể của tông. Nếu tông chẳng phải tông để hiển bày thể thì tông ấy trở nên điên đảo tà vạy, không có ấn chứng. Nếu thể chẳng phải thể của tông thì thể ấy nhỏ hẹp không có bao dung khắp chốn tức lìa ra ngoài pháp tánh mà có nhân quả riêng biệt. Nếu thể và tông khác nhau thì có lỗi như vậy.

Nay nói không khác mà khác tức ước định vào “chẳng phải nhân, chẳng phải quả” mà luận về nhân quả nên có sự khác biệt của tông và thể! Thích Luận nói: “nếu lìa Thật tướng của các pháp thì đều gọi là sự việc của ma”. Phổ Hiền Quán nói: “nhân của đại thừa là Thật tướng của các pháp và quả của đại thừa cũng là Thật tướng của các pháp” tức chính nghĩa ấy. Nên biết thể của Thật tướng thông suốt nhưng chẳng phải nhân quả. Hành ban đầu luận về nhân và hành cuối cùng luận về quả nhưng do thiên lệch và viên mãn nên có sự sai biệt. Ví như thể của đồng chẳng phải khởi đầu chẳng phải kết thúc nhưng xác định ở việc đúc làm ảnh tượng mà gọi điểm khởi đầu của ảnh tượng và căn cứ vào sự hoàn tất một sản phẩm nào đó mà gọi là điểm kết thúc của ảnh tượng. Đây là dụ cho nhân quả của viên mãn. Nếu xác định khí huyết và sự thành tựu của nó thì sự khởi đầu và kết thúc của khí huyết dụ cho nhân quả thiên lệch. Việc phát khởi bảy tâm phương tiện nghĩa là lấy nhân thiên lệch để chứng quả “hữu dư” và “vô dư” nên gọi “quả thiên lệch”, khai mở tri kiến Phật gọi là nhân viên mãn và “cứu cánh Diệu giác”. gọi là “quả viên mãn”. Nếu biết rõ ví dụ này thì nghĩa của Tông Không tức cũng Không ly rõ ràng vậy. Lại ví như chánh nhân Phật tánh chẳng phải nhân chẳng phải quả mà nói là nhập, chẳng phải quả gọi là Phật tánh. Quả ấy chẳng phải nhân nên gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, Phật tánh chẳng phải “đương thể” chẳng phải “bản thể” mà nói “vốn tự có nó”. “Tất cả chúng sanh tức là tướng Niết-bàn nên không thể lại diệt”. Lại nói “tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nhưng thực sự chưa có ba mươi hai tướng tốt nên đợi đến vị lai mới đạt được thân kim cang”. Vì thân này chẳng phải “đương thể” cho nên nói “bản thể”, vì thân này chẳng phải bản thể cho nên nói đương thể. Nghĩa của thể và tông cũng lại như vậy. Viễn sư lấy “nhất thừa” làm chỗ của tông. Nghĩa là Diệu

pháp rồi dẫn văn kinh nói “thừa này vi diệu, không có pháp nào vượt qua”. Theo ý riêng tôi (Trí giả): Vì phá ba thừa cho nên hiển bày một thừa, đối đãi thô chẳng phải nhân diệu mà lại không bao quát hết sự khởi đầu và kết thúc của nó! “Ngài Long Thọ nói chỉ lấy quả làm tông, diệu pháp là thể linh trí của Như-lai”, các thô diệt mất làm diệu, sự xoay chuyển động tĩnh làm quy tắc cho vạn vật là pháp. Pháp đã chơn thật vi diệu nên mượn hoa sen làm thí dụ và lấy quả trí làm tông”. Theo ý riêng tôi thì quả không thể thiết lập một mình sao có thể bỏ nhân kia! Lại trái với văn kinh!”. Phần tựa của Tuệ Quán nói khởi đầu “gom ba thừa trở về một thừa, sự phát triển mạnh của thừa khi tuệ giác thành mãn, điểm kết thúc của thừa khi diệt ảnh lẳng lọng thân”. Ngài La Thập khen ngợi nói “nếu chẳng phải thâm nhập kinh tạng thì há có thể tạo ra thuyết này”. Sư Ấn nói “Thật tướng của các pháp là cảnh vi diệu của nhất thừa; dùng cảnh trí làm tông. Do cảnh không có ba thứ giả tạo cho nên gọi là “Thật tướng”. Nay cho rằng: thêm cảnh liên quan đến quả mà chẳng lợi ích gì thêm! Quang Trạch dùng nhân quả một thừa làm tông tức đoạn trước làm nhân và đoạn sau làm quả”. Theo ý riêng tôi: “Như vậy, hai lời văn đều có nhân quả hoặc hỗ tương tồn tại, hoặc hỗ tương mai một mà cắt bỏ văn kinh”! Lại có người dùng “hai trí quyền và thật làm tông”. Riêng tôi cho rằng: “dùng quyền trí ứng với việc nêu rõ ba thừa làm tông của kinh, nhưng ba thừa ấy là chỗ bỏ gạt bỏ của kinh nay thì tại sao lấy chỗ bỏ ấy làm tông của kinh? Lại có sư nói “Đây gọi là “diệu pháp liên hoa” tức dùng “danh” làm tông. Diệu pháp là “sở đắc” của Phật, là pháp tánh căn bản chơn thật. Tánh này không khác và cũng không đồng với hoặc nhiệm cho nên gọi là diệu tức lấy tông làm “danh”!. Đây là quan điểm của các Địa Luận sư căn cứ vào tám thức để nói đến quả vị cao nhất. Nay Nhiếp đại thừa phá bỏ quan điểm ấy mà cho rằng “đó là căn bản của sanh tử”. Lại có sư nói “thường trụ làm tông, do chưa đạt đến tối thượng nên che lấp tướng nói rõ thường trụ”. Theo ý riêng thì đều chẳng phải ý của kinh. Nếu “thường” bị che lấp thì tông lấy chỗ nào để hiển bày! Nếu “thường” không bị che lấp thì chẳng phải là Tông! Lại có sư nói “hiển bày rõ “thường” cùng Niết-bàn mà có rộng lược”. Theo ý riêng thì “thường” làm tông tức “thường” không có nhân quả và “thường” cũng không có tông v.v... Lại có người nói “vạn thiện làm tông nên chỉ năm bất thiện ấy thì đều được làm Phật”. Theo ý riêng, nếu làm Phật tức là quả thì tại sao không giữ lấy quả làm tông! Có người nói “trong vạn thiện, giữ lấy vô lậu làm tông”. Theo ý riêng, thì rốt cuộc quá lạm dụng vào Niết-bàn của tiểu thừa. Có người nói

“nếu nhận lấy thuyết khác và đây, đều được lợi ích nghĩa là: các giải thích không phải là sai nhưng nếu nghe mà không ngộ thì các sư không có thể là đúng. Ý của một sư này chỉ quý ở chỗ chứng ngộ nên lấy chứng ngộ làm tông của kinh. Đại kinh nói “nếu có định tướng là pháp của sanh tử, là tướng của ma vương. Phật pháp không có định tướng cho nên Như Lai đối với phi đạo mà nói đạo và đối với đạo lại nói phi đạo”. Do vậy nên biết chỉ có chứng ngộ là tông”. Theo ý riêng, nếu lấy chứng ngộ làm tông thì quả chứng chẳng phải nhân hành, vậy thử hỏi đứng ở phía nam chỉ ra phương Bắc cho là đất ngoài ven loạn lạc sao! Lại nữa quyết định lấy ngộ làm tông thì là “định định”. Vậy sao nói thuyết “bất định”. Tóm lại, rất nhiều quan điểm không thể nêu ra đây đủ.

2. Nói rõ tông: kinh này, ban đầu thì phẩm Tựa cho đến hết phẩm An lạc Hạnh đều phế bỏ phương tiện mà khai mở và hiển bày chơn thật tức tri kiến của Phật; cũng nêu ra nhân quả thật của đệ tử, cũng nêu ra nhân quả “quyền môn” của thầy. Văn nghĩa tuy rộng nhưng then chốt ấy làm thành nhân thật của đệ tử nhưng vì nhân chánh mà quả phụ cho nên đoạn trước chỉ nói rõ nhân quả của Tích môn. Từ phẩm Đồng Xuất cho đến hết phẩm Khuyến Phát nêu ra “Tích môn” để hiển bày “Bản môn”, bỏ tuổi thọ gần của phương tiện mà nói rõ quả thật lâu xa; cũng nêu ra nhân quả thật của đệ tử, cũng nêu ra nhân quả thuộc “quyền môn” của thầy nhưng hiển bày quả thật của thầy. Vì nhân phụ mà quả chánh cho nên ở đoạn sau nói rõ nhân quả căn Bản môn hợp với nhân quả trước cùng làm tông của kinh. Ý ở chỗ này vì thế kinh văn phân làm hai luận về Bản môn và Tích môn để song song nêu ra pháp và thí dụ, nêu ra sen, nêu ra hoa quyền, thật của thầy đệ tử tổng quát đều ở trong hai phần này.

3. Nhân, quả đồng và khác của các kinh tức là: Nhân quả của Tích môn hoặc đồng hoặc khác. Nhân quả căn Bản môn vĩnh viễn khác với nhân quả của Tích môn nên Thật tướng thông suốt ấn chứng “các thể” vậy kinh nào không ước định ở đây mà luận về nhân quả! Đại Phẩm nêu ra Thật tướng chẳng phải nhân, chẳng phải quả làm thể nhưng chỉ cho nhân làm tông. Bát-nhã loại trừ rộng khắp nhưng là ý của nhân cho nên nói “trong tâm Bồ-tát gọi là Bát-nhã, trong tâm Phật gọi là Tát-bà-nhã”. Trong văn cũng nói “Bồ-tát không có nhân sanh cũng không có nhân diệt nên đạt được quả Tát-bà-nhã không đoạn, không thường” Trong bài tựa của Tăng Duệ nói “mở ra huyền chương lấy “bất trụ” làm nơi khởi điểm, quay về ba tuệ lấy “vô đắc” làm điểm kết thúc” tức là nhân quả có ban đầu và có kết thúc. Trong văn cũng nói “quả Phật Nhất

thiết chủng trí làm thành nhân của Bát-nhã. Do nhân chánh quả phụ với vô lượng nghĩa mà tuyên nói Ma-ha-bát-nhã. Trải qua nhiều kiếp tu hành cho nên mới biết kinh này dùng nhân làm tông”. Tịnh Danh nói “dùng hai nghĩa nhân quả của cõi nước Phật làm tông. Bảo Tích hỏi về nhân quả và đức Phật đáp đầy đủ về nhân, quả, cho nên biết song song cũng dùng nhân quả làm tông” Đốn giáo và Viên giáo của Hoa Nghiêm lại giải thích tông bất đồng: hoặc nói dùng nhân làm tông. Điều này căn cứ vào đầu đề nói “Hoa nghiêm là nghĩa tu nhân của Vạn hạnh trang sức”. Trong văn đa phần nói hành tướng của bốn mươi địa cho nên dùng nhân làm tông. Lại nói “quả làm tông”. Điều này căn cứ vào đầu đề kinh cho rằng “Phật Đại Phương Quảng: Phật là tên gọi của quả vị tối cực, Hoa Nghiêm là định, tuệ với vạn thiện trang nghiêm thân Phật chứ chẳng phải trang nghiêm nhân”, hơn nữa trong văn kinh đa phần nói “sự việc Pháp thân Xá-Na” nên biết dùng quả làm tông. Lại giải thích rằng “nhân quả hợp lại làm tông” như nói Phật tức là quả còn Hoa Nghiêm là nhân”; hơn nữa trong văn kinh nói đầy đủ “Pháp thân cũng nói các địa” nên biết đều dùng nhân quả làm tông. Các kinh đối với duyên bất đồng cho nên nêu ra tông hồ tương khác biệt. Bát-nhã thông suốt đối với nhân quả nghiêng về phần chơn của người trong ba thừa thì nghĩa này liền khác. Nếu riêng biệt đối với Bồ-tát thì có hàng độn căn và lợi căn. Nếu vì hàng độn căn mà nói rõ nhân thì nghĩa này cũng khác còn vì người lợi căn mà nêu ra nhân thì nghĩa này đồng. Tịnh Danh nói “nghĩa của cõi Phật kiêm cả hai thứ. Nếu ba loại nhân quả của cõi Phật thì nghĩa này khác, còn chỉ một loại nhân quả của cõi Phật thì nghĩa này đồng. Hoa nghiêm cũng nêu ra hai duyên tức đối với người độn căn thì khác còn người lợi căn thì đồng như trược đã phân biệt. Lại nữa, nếu đem ý này thông qua nhân quả của năm vị giáo thì theo thông lệ có thể biết. Đây chính là tương nhân quả đồng và khác của các kinh cùng với Tích môn.

Nhân quả căn Bản môn vĩnh viễn khác với các kinh nghĩa là: Nếu Bồ-tát của Tam tạng giáo thì ban đầu hành nhân, quả thật chứ không có nhân, quả “quyền”, cho đến nêu ra “Phật ngồi trước cây Bồ-đề mới thành” cũng chẳng phải tích môn và Bản môn lâu xa, Bồ-tát của Thông giáo ban đầu cũng hành nhân nhưng vì thần thông biến hóa mà luận Bản môn và Tích môn chứ chẳng phải Tích môn và Bản môn lâu xa. Đại Phẩm nói “Bồ-tát có Bản môn và Tích môn nhưng hàng Nhị thừa thì không có”. Như vậy nói Phật ban đầu đạt được hai: Pháp thân sanh thân Bản môn và Tích môn chứ không nói lâu xa. Tịnh Danh không

nói Thanh văn có Bản môn và Tích môn nhưng lại nêu rõ Bồ-tát trụ vào Bản môn và Tích môn không thể nghĩ bàn, nói Phật có “cõi nước thanh tịnh” ngay cả cái thấy của “búi tóc” cũng chẳng phải lâu xa”. Hoa Nghiêm nói “Xá Na và Thích Ca làm Bản môn và Tích môn, Bồ-tát cũng có Tích môn và Bản môn, Thanh văn còn không nghe không biết đến thì sao nói tự có Bản môn và Tích môn”. Kinh nay nêu ra Thanh văn có Bản môn nhưng Bản môn có nhân quả tức chỉ ra làm nhân quả Tích môn của hàng nhị thừa. Tích môn của Phật tức sanh thân tại Vương cung phát khởi Pháp thân tại “đạo thọ” cho đến hai thân: sanh và pháp ở khoảng trung gian đều là Tích môn. Tuy nhiên, chỉ nắm lấy “buổi ban sơ” để đạt được chơn tương ứng mà gọi đó là Bản môn nên nhân quả thuộc Bản môn của thầy và đệ tử đem so với kinh khác thì vĩnh viễn không như nhau. Trong Tích môn của kinh này, nhân quả của thầy và đệ tử cùng với các kinh có đồng có khác. Trong Bản môn, nhân quả của thầy và đệ tử vốn không có nêu ra trong các kinh, vì vậy, dùng nhân quả này làm tông vi diệu của kinh.

4. Thô và diệu nghĩa là nửa chữ nhân nơi “đạo thọ” biến khắp quả. Tông này tức là thô. Chỗ nói rõ nhân quả của ba thừa trong Đại Phẩm cũng như vậy nhưng nhân không cùng (bất công). Tuy nói “Bồ-tát trong một ngày hành Bát-nhã, như mặt trời chiếu soi vào chỗ tăm tối, phát tâm liền có thần thông dạo chơi vui vẻ” nhưng do còn gánh vác nhân thô nên nhân viên mãn không được hiển lộ. Tuy nói Pháp thân không đi không đến nhưng do gánh vác quả thô mà quả viên mãn không được hiển bày cho nên gọi là thô. Trong Phương Đẳng tuy chê trách “nhân quả thiên lệch” như ụ đất ở nơi Cao Nguyên không sinh ra hoa sen nhưng không biện rõ thiên lệch được nhập vào “viên mãn” nên “viên mãn” không ảnh hiện mà trở thành thô. Hoa Nghiêm, trước chiếu soi như “núi cao” mà nói một nhân viên mãn và rốt ráo thân sau mà nói một quả viên mãn. Lại gánh vác nhân quả riêng biệt nên chỗ gánh vác ấy là thô. Kinh nay nói Thanh văn được thọ ký, Bồ-tát dứt trừ nghi ngờ mà đồng khai mở tri kiến Phật tức đều nhập vào một nhân viên mãn nhằm phát khởi Tích môn để hiển bày Bản môn đồng ngộ quả thật. Do nhân viên mãn, quả thật không gánh vác phương tiện mà vĩnh viễn khác với kinh khác cho nên gọi là diệu.

Khai mở thô tức là xưa kia căn duyên còn chậm lụt nên chưa kham nhận lắng nghe lời khen ngợi “nhân quả của Phật thừa” mà bèn phải dùng nhân quả phương tiện để dẫn dắt khiến dần dần tiếp cận ý tình. Do nắm vị điều hòa nên tâm dần thông thái mà quyết rõ nhân thô

đồng thành nhân vi diệu, quyết rõ các quả thô đồng thành quả vi diệu. Bởi vậy, các pháp rõ ràng “cúi đầu, chấp tay, đều thành Phật đạo” lại không có gì không phải nhân của Phật đạo. Phật đạo đã thành thì còn có gì chẳng phải quả Phật! Như vậy thiện rã rác và nhân nhỏ bé nay đều khai mở quyết định hết thảy đều là nhân viên mãn hưởng hồ hành của Nhị thừa và hành của Bồ-tát mà không trở thành nhân quả vi diệu ư!

5. Việc kết thành được chia làm hai phần: a. Kết nhân quả; b. Bốn câu giản lược. Hễ kinh nói “nhân quả” thì chính là thông suốt làm lợi ích của sanh thân và Pháp thân. Nếu khai mở quyền để hiển bày thật thì chính khiến bảy loại phương tiện sanh thân chưa nhập liền được nhập vào, còn bên cạnh thì khiến sanh thân và Pháp thân đã nhập rồi càng tinh tấn. Nếu nói “tuổi thọ lâu dài” thì thiên lệch khiến “sanh thân chưa nhập được nhập” còn chánh thức khiến Pháp thân và sanh thân đã nhập rồi lại càng tinh tấn”. Phẩm Thần Lực nói “Như Lai có tất cả sự việc rất sâu” tức chẳng phải nhân chẳng phải quả là lý rất sâu còn nhân quả là sự rất sâu. Từ “bảy loại phương tiện “ban đầu được nhập vào “viên mãn” mà chứng địa vị “đồng luân” thì gọi đó là nhân, cho đến địa vị khác chỉ còn có một đời. Nếu chuyển “một đời đạt được Diệu Giác” thì gọi đó là quả. Từ trung gian giữa Nhị trụ cho đến Diệu Giác thì gọi đó cũng nhân, cũng nhân nhân, cũng quả, cũng quả quả. Nếu dùng đạo vô ngại để hàng phục một phần vô minh thì gọi đó là nhân. Nếu dùng đạo giải thoát này để đoạn trừ “một phần vô minh” thì gọi đó là quả. Nếu ước định ở giải thoát này mà tu “vô ngại” thì gọi là “nhân nhân”. Từ vô ngại này lại đạt được giải thoát cho nên nói “quả quả”. Lại nữa ban đầu hàng “Thập Trụ” làm nhân, “Thập Hạnh” làm quả, Thập Hạnh làm nhân, Thập hồi hương làm quả, Thập hồi hương làm nhân, Thập địa làm quả, Thập địa làm nhân, Đẳng giác làm quả, Đẳng giác làm nhân, Diệu giác làm quả. Diệu giác chỉ có quả, chỉ có giải thoát nên không thể gọi là nhân và “vô ngại”. Sơ trụ chỉ có nhân, chỉ có vô ngại nên không thể gọi là quả và giải thoát, vì sao? Vì Sơ trụ thấy chơn rồi lấy chơn làm nhân nhưng trụ vào “chơn tương tự” trước kia, chẳng phải nhân chơn thật. Nếu giữ lấy “tánh đức” làm nhân ban đầu thì “khảy móng tay, rải hoa” là hạt giống Duyên nhân. Nếu tùy thuận nghe một câu là hạt giống “liễu nhân”. Hễ có tâm là hạt giống “chánh nhân”. Đây tức là xa luận về ba hạt giống nhân của “tánh đức”. Do chẳng phải là chơn thật khai phát cho nên không giữ lấy làm nhân.

Bốn câu giản lược được trình bày như sau:

Hỏi: Nếu nói Sơ trụ nhập vào lý thì gọi là nhân quả viên mãn vậy

tại sao văn kinh nói “dần dần tu học mà được thành Phật đạo?”

Đáp: Lẽ ra tạo ra hai loại bốn câu giản lược: Tự có “Tiệm viên” và tự có “viên Tiệm”, tự có “Tiệm Tiệm” và tự có “viên viên”. “Tiệm viên” nghĩa là ước định ở ngoài “lý” có bảy loại phương tiện đồng khai mở tri kiến Phật mới thấy được lý viên dung là do bảy loại phương tiện ngoài lý dần dần nhập vào nhân Viên cho nên nói “Tiệm viên”. “Tiệm viên” có ba câu v.v... “viên Tiệm” nghĩa là ban đầu nhập vào viên này mà đồng quán ba đế thấy lý “Thật tướng” trước sau đều không có sai biệt. Nhưng ở trong sự tu hành chưa thể đoạn tận đầy đủ nên cần phải nghiên nghiên tu tập thêm. Do căn cứ vào ban đầu thâm nhập vào “viên” nên gọi là “viên”, vì tấn tu những hành trước đó nên gọi là “Tiệm”. “Tiệm Tiệm” nghĩa là từ hàng Nhị trụ cho đến Đẳng giác. Đây là “Tiệm Tiệm” của viên chứ chẳng phải “Tiệm Tiệm” của bên ngoài lý. “Viên viên” nghĩa là đến quả “Diệu giác, cũng gọi là “Tiệm viên”, cũng gọi là “viên viên”. Do lý trước đó và sự hiện nay viên mãn nên gọi là viên viên. Lại nữa, “viên Tiệm” là như Sơ trụ, “Tiệm Tiệm” như Nhị trụ trở đi cho đến “ba mươi tâm”, “Tiệm viên” như sơ địa trở lên còn “viên viên” tức là Diệu giác. Cấp bậc “ba mươi tâm” tuy đồng có nghĩa “Hiền Thánh” nhưng nghĩa gọi là Hiền, vì hàng phục nhiều mà đoạn ít, Từ Thập địa trở lên gọi là Thánh vì đoạn nhiều mà hàng phục ít. Lại nữa, Thập Trụ gọi là “Hiền Thánh”, “hai mươi tâm” là “Hiền Thánh”, Thập địa và Đẳng giác là Thánh, Diệu giác là “Thánh Thánh”. Nay mượn ví dụ ánh trăng đầu tháng do vòng bên ngoài che khuất nên dụng của ánh sáng viên mãn chưa chiếu soi đầy đủ để dụ cho “viên Tiệm”. Từ ngày mồng hai đến ngày mười bốn, ánh trăng tăng dần đến tròn sáng; ví dụ cho Tiệm Tiệm, đến rằm mặt trăng sáng tỏ là dụ cho “Tiệm viên” và “viên viên”. Mặt trăng vốn không có khuyết và tròn mà cũng ước định mặt trăng mà biện rõ khuyết, và tròn. Lý không có “viên Tiệm” mà cũng ước định về lý để phán quyết “viên Tiệm” đó thôi! Tông của kinh này có lợi ích rất lớn. Ban đầu từ “viên Tiệm” và cuối cùng đi đến “viên viên” khiến nhân quả của đại thừa tăng trưởng đầy đủ v.v...

Hỏi: Đã gọi “viên Tiệm” lại gọi Viên, Biệt cho đến Thông giáo và Tạng giáo cũng nên như vậy ư?

Đáp: Nghĩa này được rút ra trong bốn giáo ý đó nói thế nào? Tam tạng là ba tạng có thể hiểu, “Biệt” là để duyên với độ, “Thông” là Chơn đế, “viên” là bậc Vô học làm xong. “Thông thông” là đồng vô sanh; “Tam tạng” là giới định tuệ trong đạo đế; “Biệt” là riêng biệt

của chánh tập hết và không hết, hóa tha và không hóa tha, nêu ra giả và không nêu ra giả, “viên” là đồng chứng chơn, “Biệt biệt” là trên dưới khác biệt, “Tam tạng” là tu giới, định, tuệ trong đạo để vô lượng, “Thông” là bốn môn đều khế hợp với trung đạo; “Viên là năm trụ tận trừ, “Viên viên” là dung thông, “Biệt” là bốn môn khác nhau, Thông là bốn môn thu nhiếp nhau; “Tạng là đạo để với giới, định, tuệ viên mãn. Nghĩa này đã thông suốt cũng ứng với “Tiệm viên” và bốn câu của “Tiệm viên” đều được. Như vậy, kết hợp nhân quả đều thành và sau đó phán quyết thô, diệu để khai mở thô, diệu thấy đều được.

Chương lớn thứ tư nói rõ dụng: Dụng là khả năng vi diệu của Như Lai, là công dụng thù thắng của kinh này. Như Lai lấy hai trí quyền và thật làm năng lực vi diệu. Kinh này lấy sự đoạn nghi sanh tín làm công dụng thù thắng. Như vậy hai trí có thể đoạn nghi sanh tín và đoạn nghi sanh tín nhờ vào hai trí. Đây là ước định ở người và pháp, trái, phải hỗ tương mà luận! Trước đã nêu ra tông rồi dựa ở tông, thể để phân biệt khiến tông và thể không lẫn lộn. Nay luận về dụng lại dựa vào dụng của tông để phân biệt khiến dụng, tông không bị lẫn lộn, vì sao? Vì tông cũng có dụng và dụng cũng có tông, tông dụng chẳng phải “dụng dụng”, “dụng dụng” chẳng phải “tông, dụng”, “dụng, tông” chẳng phải “tông tông”, “tông tông” chẳng phải “dụng, tông”. Tông dụng lấy nhân quả làm tông và nhân quả mỗi thứ đều có đoạn trừ và hàng phục làm dụng. Dụng có tông là từ bi làm “dụng tông”, đoạn nghi sanh tín làm “dụng dụng”. Nếu luận về Tông thì tạm bỏ qua đoạn trừ và hàng phục chỉ luận nhân quả. Nay nói rõ dụng thì chỉ luận “đoạn nghi sanh tín” tạm gác qua từ bi. Nếu hiểu được ý này thì biết hai trí quyền và thật có khả năng đoạn nghi sanh tín. Đó là dụng lớn của kinh này và nghĩa ấy rõ ràng. Luận về dụng, được chia làm năm phần: 1. Nêu ra “lực dụng”; 2. Nêu ra đồng và khác; 3. Nêu ra sự trải qua riêng biệt; 4. Đối với bốn Tất đàn. 5. Tất đàn đồng và khác.

- Nói rõ dụng: các kinh không thuần nêu ra trí tuệ của Phật, không phát khởi, Tích môn tự ứng của Phật, không chính phá bỏ quả của Nhị thừa, không đoạn nghi gần của sanh thân Bồ-tát, tuy khởi dậy niềm tin xa cho Bồ-tát nhưng không hiển bày bản địa, không làm tăng trưởng Pháp thân Bồ-tát khiến nhớ nghĩ đến Phật đạo, không làm tổn giảm sanh của thế giới bên ngoài, những lực dụng như đây các kinh đều không có, chỉ có kinh này nói đầy đủ. Vì thế, kinh này không luận về trí của Bồ-tát và Nhị thừa mà thuần chỉ hiển bày trí tuệ vi diệu của Phật, không khai mở tri kiến của chín pháp giới chúng sanh mà thuần khai

mở tri kiến của Phật và chúng sanh. Kinh khác chỉ dẫn ra sự biến hóa của Phật làm Tích môn nhưng không dẫn ra chính thân Phật là Tích môn. Kinh nay tự dẫn ra Phật thân là Tích môn thì sự biến hóa kia đâu thể không là Tích môn! Kinh nay chính phá Hóa Thành thuộc quả của hàng Nhị thừa hưởng hồ là nhân hành của họ! Lại phá sự nhận lãnh giáo phương tiện mà Bồ-tát chấp Tích môn ấy làm tột cùng. Do nay đều phá bỏ hết thấy nên gọi là “quyền tích”, và ở trung gian các nghi thấy đều đoạn khiến khởi lên niềm tin sâu xa không thể nghĩ bàn. Lại nữa, kinh này hiển bày công đức chơn thật của bản địa khiến Pháp thân Bồ-tát đạt được lợi ích lớn: Khởi nguyên từ chữ “A” ban đầu và kết thúc gần đến chữ “Trà” sau cuối. “Nghiên nát mười phương na-do-tha cõi nước làm số vi trần” nên khiến tăng trưởng đạo Bồ-tát không thể diệt mất. Do Như Lai làm mưa một vị mưa của hai trí quyền và thật bình đẳng khắp bốn phương đều thấm nhuần nên khiến tất cả các bốn môn đều phá. “Cầu đầy đủ với đạo đầy đủ” là đoạn nghi sâu xa ấy mà khởi niềm tin lớn khiến nhập vào một nhân viên mãn, “cỡi xe Ma-ha-diễn dạo chơi khắp bốn phương, thẳng đến đạo tràng” là dụng lớn lực lớn đem đến khả năng lợi ích vi diệu còn mà chưa hết. Lại nữa, lực này có thể phá quả của nhị thừa. Hàng Nhị thừa sợ sanh tử nên nhập vào “không” rồi thủ chứng lấy mà sanh tưởng “an ổn”. Sanh tưởng đã diệt độ rồi lại rơi vào thành của ba loại vô vi chôn mình trong đó hoặc chết, hoặc khổ bị chết v.v... như hạt giống bị mục nát không thể sanh trở lại, thì cho đến lương y cũng bó tay, thuốc hay cũng thành vô dụng! Lại như Niết-bàn có thể trị Xiển đề mà còn dễ hơn vì tâm trí Xiển đề không diệt. Hễ có tâm thì đều sẽ làm Phật nên chẳng phải người quyết định chết thì điều trị không khó. Hàng Nhị thừa hủy thân diệt trí: hủy thân là sắc chẳng phải thường trụ, diệt trí là tâm suy nghĩ đã hết như đốt cháy mầm mống, hạt giống hoặc như ở cao nguyên, như đã điếc lại câm nên vĩnh viễn không phản ứng lại. Do vậy, sự hủy bỏ của các giáo chủ, hay phương thuốc của các kinh đều chẳng thực hành. Nay trí của Phật vốn là phương thuốc pháp vi diệu, sắc thân tốt đẹp không tiêu hủy như ngọc lưu ly trong sạch khiến sắc tượng của nội giới thấy đều hiện lên trong đó khiến tâm trí không diệt mà “khai, thị, ngộ, nhập tri kiến Phật” khiến khách làm và người nghèo hèn được giao phó “gia nghiệp Bồ-đề”. Do vậy, ở nơi đất đồi cao nguyên được trao hoa sen Phật khiến người ấy một lúc tai nghe âm thanh của mười pháp giới, lưỡi tùy theo tất cả loài mà diễn giảng âm thanh của Phật khiến “tất cả nghe” có khả năng dùng một căn biến khắp làm “các dụng”. Đây chính là lực dụng của kinh này.

Như vậy ở trên đã trình bày xong trí lực của Phật. Nay lại nói rõ thêm: như đời cuối nhà Hán được chia làm ba phần. Đương thời, trí mưu lược của Tào Công là bậc nhất nhưng lại kém xa Dương Tu ba mươi lăm dặm. Đây là trí của người Chấn đán không bằng “ngoại quốc” nhưng nếu đem so sánh với trí của ngoại đạo thì như hạt cải với núi. Tuy nhiên trí của ngoại đạo và tất cả người trong thế gian chỉ bằng một phần trong mười sáu phần của trí tuệ Xá-lợi-phất. Trí của hàng nhị thừa như ánh sáng của con đom đóm, trí của Bồ-tát như ánh sáng của mặt trời, trí của Bồ-tát thuộc Thông giáo như thế lực của con ngỗng trời không thể bay xa, trí của Bồ-tát Biệt giáo như Kim-Xi-điểu bay từ một núi Tu di đến một núi Tu di khác, trí của Bồ-tát Biệt giáo như đất ở đầu móng tay còn trí tuệ của Phật như đất khắp mười phương. Do vậy nên kiết, trí của Phật đạt đến sự dung thông, tức thì, nhanh chóng, thật sự không thể nghĩ bàn, không giới hạn không gian thời gian, viên mãn vì điều không gì so sánh được, thí dụ không thể hết được. Sự hỏi đáp kinh khác không thuần túy nói về trí tuệ ấy nhưng kinh này chỉ một mực nói đến trí tuệ ấy. Đó là trí lực chơn thật rất lớn của Phật. Ví như mười con trâu nhỏ cho đến một con rồng, mười con rồng, một lực sĩ, mười lực sĩ cũng không bằng sức lực của người chứng được năm thứ thần thông, người chứng năm thứ thần thông không bằng một vị A-la-hán, tất cả A-la-hán không bằng một Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên không bằng một Thân Tử, Thân tử không bằng Bồ-tát, Bồ-tát không bằng Bồ-tát Biệt giáo, Bồ-tát Biệt giáo không bằng Bồ-tát Viên giáo, Bồ-tát Viên giáo không bằng Phật. Tích môn của Phật rất lớn có thể hóa hiện, từ đây lại hóa hiện tiếp biến hóa vô tận không có ranh giới như cái đàn cầm của Tu-la khiến tất cả Hiền thánh không thể lường biết. Lực quyền biến của đức Phật đã như vậy, các nghĩa khác theo như đây có thể biết không cần phải nói ra (ghi ở đây)...

- Nói rõ đồng và khác được trình bày như sau.

Hỏi: thể, nhân, quả, tông của Thật tướng đã thông suốt các kinh, hai trí quyền và thật lại nói thế nào?

Đáp: Danh tuy “thông dụng mà lực rất sai biệt. Tam tạng và Thông giáo dùng hai trí đoạn trừ nghi của “bốn trụ” khiến sanh khởi niềm tin của “thiên chơn”. Tịnh Danh nói “tùy chê trách nhị thừa và Bồ-tát hành thiên lệch cũng là đoạn nghi sanh tín của nội giới nhưng không thể khiến tiểu thừa và Bồ-tát phương tiện đoạn trừ nghi lớn mà phát khởi sanh niềm tin “lớn”. Ý thông suốt của Đại Phẩm cũng là đoạn nghi sanh tín của nội giới còn ý riêng biệt tuy ở tại ngoại giới nhưng cũng chưa đoạn

nghe gần mà sanh tín xa. Ý chính của Hoa Nghiêm là đoạn nghi của ngoại giới khiến sanh khởi niềm tin viên mãn nhưng cũng chưa đoạn nghi gần mà sanh khởi niềm tin xa. Do vậy hai trí quyền và thật tuy tên gọi lại thông dụng mà lực dụng có khác biệt lớn. Kinh nay dùng hai trí Bồ-đề của Phật để đoạn trừ “bảy loại phương tiện và vô minh lớn lao khiến đồng nhập vào nhân viên mãn mà phá chấp tình gần của Tích môn và sanh khởi niềm tin sâu xa căn bản địa, cho đến Đẳng giác cũng khiến đoạn nghi sanh tín”. Như vậy dụng thù thắng há lại đồng với các kinh!

- Sự giải thích riêng biệt được phân làm hai phần: 1. Riêng giải thích Tích môn; 2. Riêng giải thích Bản môn.

Riêng giải thích Tích môn được chia thành mười mục: 1. Phá ba hiển một; 2. Bỏ ba hiển một; 3. Khai ba hiển một; 4. Gom ba hiển một; 5. Trụ một hiển một; 6. Trụ ba hiển một; 7. Trụ “chẳng phải ba, chẳng phải một” mà hiển một; 8. Che ba hiển một; 9. Trụ ba dùng một; 10. Trụ một dùng ba. Ý này thông suốt qua mười thứ diệu và trong mỗi thứ diệu đều đầy đủ mười ý. Nghĩa ấy suy ra có thể hiểu v.v... Nay căn cứ thuyết riêng biệt nghĩa là: Phá ba mà hiển một tức chính là phá “ba tình” mà hiển bày một trí, vì sao? Vì xưa kia ban đầu khen ngợi “Phật thừa thì chúng sanh chìm đắm trong khổ não do đã không kham nhận nghe đại thừa cho nên mới nghĩ về chỗ hành lực phương tiện của Phật trong quá khứ” mà cũng nên nói ba thừa. Nói ba thừa đã ngang bằng với giáo gói gọn ở ba tình, lại không mong gì tốt hơn. Nay phá ba chấp để hiển bày thật trí cho nên nói “pháp của chư Phật đã lâu xa nay chủ yếu nói chơn thật.

“Bỏ ba hiển một” nghĩa là phế bỏ giáo. Tuy phá tình ấy nhưng nếu không bỏ giáo thì tướng giáo ở dưới cây đạo thọ lại sanh, chấp vào giáo ấy khiến hoặc khởi lên cho nên phải phế bỏ giáo. Như kinh nói “chính xả bỏ phương tiện mà chỉ nói đạo vô thượng” hay “trong cõi nước của mười phương Phật chỉ có pháp một thừa chứ không có hai cũng không có ba”.

“Khai mở ba hiển bày một” nghĩa là chánh tận ở lý và bên cạnh ước định vào giáo. Ước định giáo là giáo xưa kia nêu ra “ba hạng người” nhập vào chơn thật, giáo nay nêu ra “ba hạng người” đạt được quả Phật. Căn cứ thẳng ở lý là chơn không của Nhị thừa tự có Thật tướng. Do phương tiện xưa kia không sâu nên không thể thấy vi diệu. Nay khai mở “không này” chính là Thật tướng cho nên nói “quyết rõ pháp Thanh văn là vua của các kinh” “để khai mở môn phương tiện mà chỉ ra tướng

chơn thật”. Đại kinh nói “vì các Thanh văn mà khai phát tuệ nhãn” là nói lên ý đó.

“Gom ba hiển một” là chánh căn cứ ở hành. Đại Phẩm gom Tông mà nói “bốn niệm xứ, bốn thiền v.v... đều là Ma-ha-diễn” tức chỉ gom pháp mà chưa gom con người thực hiện. Kinh này gom đủ cả người hành và pháp hành cho nên nói “thực hành của các ông là đạo của Bồ-tát”, “dẫn dắt tu học tức sẽ thành Phật” hay “cúi đầu chấp tay đều thành Phật đạo” v.v...

“Trụ một hiển một” tức là dựa trên ý Bản môn của Phật. Bản môn dùng thật trí để giáo hóa chúng sanh như kinh nói “Phật bình đẳng nói như nước mưa một vị”, “Phật tự trụ nơi đại thừa như chỗ đắc pháp của mình với lực định, tuệ trang nghiêm để hóa độ chúng sanh” hay “Nếu dùng tiểu thừa để giáo hóa thì Ta rơi vào keo kiệt”, “sự việc này thật không thể” cho nên biết từ “đem đắc đạo đức Phật thường nói trung đạo thường nói đại thừa. Tuy nhiên vì tội nghiệp của chúng sanh mà khiến “Như Lai phải hòa độc với sữa, mặc áo thô rách dơ dáy” để phương tiện hòa đồng dẫn dắt khiến hướng về đại thừa cho nên nói “tuy nói nhiều loại đạo nhưng kỳ thật là vì một thừa v.v...”

“Trụ ba hiển một” tức là căn cứ ở quyền trí của Phật làm phương tiện giáo hóa chúng sanh như kinh nói “nghĩ về chỗ hành lực phương tiện của Phật quá khứ, ta nay cũng như vậy liền đến thành Ba-la-nại dùng lực phương tiện vì năm Tỳ-kheo mà nói pháp”. Chư Phật trong quá khứ cũng trụ vào ba thừa mà hiển bày một thừa, Phật nay cũng vậy cho nên kinh nói “dùng phương tiện khác hỗ trợ khiến hiển bày Đệ nhất nghĩa” hay “xưa ở trước Bồ-tát chề trách Thanh văn nhưng kỳ thực Phật dùng đại thừa mà được độ thoát”

“Trụ chẳng phải ba chẳng phải một, hiển bày một” nghĩa là hoặc ước định ở lý hoặc ước định ở sự. “Ước định ở lý” như kinh nói “pháp ấy trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ”, “pháp ấy không thể chỉ biết, pháp thường vô tánh, giống Phật từ duyên khởi”. “Vô tánh” tức chẳng phải ba chẳng phải một “Từ duyên khởi” tức là từ ba duyên mà hiển bày một thừa khiến gom “chẳng phải một chẳng phải ba”. Ước định ở sự” tức là nhưn thừa và thiên thừa này chẳng phải ba cũng chẳng phải một nên kinh nói “thường dùng thừa này dẫn dắt khiến nhập vào đại thừa”, “cúi đầu chấp tay đều thành Phật đạo”, “nếu ta gặp chúng sanh thì toàn dùng Phật đạo mà giáo hóa họ”.

“Che ba, hiển bày một” nghĩa là căn cứ ở quyền trí khéo léo đa đoan. Quyền trước thì độ trước chỉ trừ bệnh của chúng sanh mà không

trừ pháp của chúng. Do không trừ diệt pháp cho nên mới xác định hóa hiện duyên sau. Nếu phá trừ pháp này thì sau sử dụng chỗ nào? Cơ duyên dứt tức là che mà cơ duyên hưng khởi tức là dụng thì đâu chỉ có Phật! Nhập vào Bồ-tát thật cũng như vậy, như kinh nói “nếu có người không tin pháp này thì ở trong pháp sâu khác mà chỉ dạy khiến được lợi ích vui mừng v.v...”

“Trụ ba, dùng một” nghĩa là căn cứ ở Pháp thân ứng với quyền thuộc vi diệu. Trước trụ ba thừa để hiển bày một thừa là pháp môn của thầy còn nay trụ vào ba thừa và dụng một thừa là môn của đệ tử kinh nói “như Phú Lô Na v.v... thật là Pháp thân mà hiện làm Thanh văn” thị hiện trụ ở ba thừa nhưng thường hiển bày một thừa làm lợi ích đồng với bậc phạm hạnh”.

“Trụ một dùng ba” nghĩa là căn cứ ở thế nguyện căn bản như Hoa Quang làm Phật nguyện nói ba thừa nhưng chẳng phải trong đời ác. Nay Phật cũng ở chỗ Phật Bảo Tạng nguyện ở trong đời ác mà nói ba thừa này v.v... Dụng lớn của quyền trí và thật trí bao quát khắp pháp giới há chỉ có mười ý mà thôi! Vì hiển bày dụng của mười thứ vi diệu cho nên lược nói mười ý!

Lại nữa “phá ba hiển bày một” là dùng Trí diệu; “bỏ ba hiển bày một” là công dụng nói pháp diệu, khai ba mà hiển bày một là công dụng của cảnh vi diệu, gom ba mà hiển bày một là công dụng của hành vi diệu, trụ một mà hiển bày một là công dụng của thừa vi diệu, trụ ba mà hiển bày một là công dụng của cảm ứng vi diệu, trụ chẳng phải ba chẳng phải một mà hiển bày một là dụng của thần thông vi diệu, che ba mà hiển bày một là dụng của địa vị vi diệu; trụ ba mà dụng một là dụng của quyền thuộc vi diệu, trụ một mà dụng ba là dụng của lợi ích vi diệu. Dem mười dụng phối hợp với mười thứ vi diệu còn văn nghĩa cùng chọn lựa với đại ý có thể hiểu v.v...

Lược dụng của “Bản môn” theo như trên cũng được phân làm mười ý. Nếu phù hợp văn cho tiện nên nói “khai mở gần mà hiển bày xa”. Nếu dùng nghĩa thì nên nói “Bản môn và Tích môn”. Chỉ là gần gọi là Tích môn còn xa là làm Bản môn, tên gọi khác nhau mà nghĩa lại đồng nhau đó thôi. Mười ý căn Bản môn được trình bày như sau: 1. Phá tích hiển bày bản; 2. Bỏ tích hiển bày bản; 3. Khai tích hiển bày bản; 4. Gom tích mà hiển bày bản; 5. Trụ ở bản mà hiển bày bản; 6. Trụ ở tích hiển bày bản; 7. Trụ chẳng phải tích chẳng phải bản mà hiển bày bản; 9. Trụ tích mà dụng bản. 10. Trụ bản mà dụng tích (tích là Tích môn còn bản là Bản môn)

Nếu liên thông căn cứ mỗi một Diệu của Bản môn thì đều đầy đủ mười ý. Nếu riêng luận: Phá Tích môn mà hiển bày Bản môn cũng là phá tình chấp. Trong phẩm Tựa, phẩm Phương tiện và phẩm Bảo Tháp đã kích động chấp sanh nghi. Như Văn Thù trả lời Di Lặc rằng: xưa kia có tám vị vương tử nhận ngài Diệu Quang làm thầy. Ngài Diệu Quang trước đó là Bồ-tát Bồ-Xứ. Nhưng Vương tử thành Phật hiệu là Nhiên Đăng còn đệ tử nay thành Phật hiệu là Thích Ca và Diệu Quang trở lại làm đệ tử”. Lại nói “Văn Thù khởi chấp Tích môn mà sanh ra nghi ngờ này” thì lý do gì có thể quyết định? Nay nói đó chẳng phải sự chậm trễ kéo dài của Bồ Xứ, cũng chẳng phải sự siêu việt của đệ tử mà do Thích Ca thành đạo đã lâu nên xưa thị hiện làm đệ tử và nay thị hiện làm thầy! Do dẹp bỏ nghi của Tích môn này mà hiển bày trí căn Bản môn cho nên nói “phá Tích môn mà hiển bày Bản môn”. Trong phẩm Phương tiện nói “ta từ kiếp lâu xa trở lại khen ngợi chỉ ra đạo Niết-bàn khiến khổ sanh tử vĩnh viễn đoạn tận. Ta thường nói như vậy” cho nên biết đã vĩnh viễn đoạn tận sanh tử từ lâu, chẳng phải ở khoảng trung gian ấy mới nhập Niết bàn. Bảo Tháp từ dưới đất vọt lên rồi hiện ra để chứng minh rõ diệt mà không diệt tức Tích môn mà thường, phân thân đều tích tập. Do phân thân đã nhiều khắp tám phương không thể tính kể nên biết thành Phật đã lâu. Như dụ về hoa sen đầy ao tức nêu ra ba phẩm văn. Đã dần dần phá Tích môn nên “phương dưới vọt ra” chẳng phải tại đạo tràng vắng lặng thọ nhận sự giáo hóa, cũng chẳng phải chỗ thọ nhận giáo hóa của phân thân ở nơi khác. Hai nơi chốn và con người này, Di Lặc đều biết mà nay không biết cho nên kinh ngạc và nghi ngờ. Do phá tình chấp gần để hiển bày Bản môn dài xa cho nên văn kinh nói “tất cả thế gian đều cho rằng Thích Ca Mâu Ni ra khỏi dòng họ Thích đi đến thành Già Da không xa mà chứng đắc Tam Bồ-đề, nhưng kỳ thật từ ta thành Phật trở lại đã vô lượng trăm ngàn vạn ức Na-do-tha kiếp”. Thẳng nêu ra thế giới để hỏi Di-Lặc nhưng Di-Lặc còn không biết số ấy huống hồ là vi trần trong thế giới mà có thể tính đếm! Đây là phá chấp gần để phát sinh trí tuệ lâu xa ấy.

Bỏ Tích môn để hiển bày Bản môn cũng căn cứ ở sự thuyết pháp. Xưa kia vì năm trước chướng ngại nặng nề mà không thể nói về “bản địa” xa xôi nên mới chỉ ra thành tựu gần của Tích môn. Nay các chướng đã trừ và căn cơ đã chuyển động nên bỏ cách nói về Tích môn tức “đạo thọ, Vương thành” đều là phương tiện và đoạn trừ tâm chấp gần, sự bám lấy giáo gần cũng dứt. Văn kinh nói “từ đó đến nay Ta thường ở thế giới Ta Bà này nói pháp giáo hóa, cũng ở trăm ngàn vạn

ức na-do-tha A-tăng-kỳ cõi nước khác dẫn dắt làm lợi ích cho chúng sanh” tức là bỏ một thời kỳ giáo của Tích môn để hiển bày thuyết “Bản môn” lâu xa.

Khai mở Tích môn để hiển bày Bản môn là cũng căn cứ ở pháp, và lý. Ngài Văn Thù thuật lại Phật Nhiên Đăng và từ lâu xa trở lại đã khen ngợi chỉ ra đạo Niết-bàn cho đến phân thân của chư Phật cũng giống như nói Tích môn này vì để hiển bày ý căn Bản môn nhưng người mê hoặc chưa ngộ được “huyền chỉ”. Nay nếu hiển bày Bản môn thì cũng không thể dựa vào cách khác nên trở lại khai Tích môn gần để chỉ ra sự cốt yếu căn Bản môn. Căn cứ ở lý là căn cứ vào quán phương tiện thâm sâu thuộc Tích môn thì lý “Bản môn” tự nhiên hiển bày. Văn kinh nói “ta thực sự thành Phật trở lại đã lâu xa như vậy, chỉ dùng phương tiện để giáo hóa chúng sanh khiến nhập vào Phật đạo”. Nếu nhập vào Phật đạo tức là ở nơi Tích môn mà đạt được Bản môn.

“Gom Tích môn để hiển bày Bản môn” là căn cứ ở hành. Nghĩa là tìm thấy các hành ở trong Tích môn hoặc từ Phật này mà thực hành các hạnh được ghi nhận, hoặc từ Phật kia thực hành các hạnh được ghi nhận, hoặc “thị hiện thân mình và thân người” tùy vào căn cơ cảm ứng mà hiện có dài, ngắn, lớn, nhỏ. Như vậy các Tích môn thấy đều từ Bản môn mà có mặt hoặc kết gom “xưa nay” hoặc lại kết Tích môn mà hiển bày Bản môn. Bản môn và Tích môn tuy khác nhưng đều là một không thể nghĩ bàn. Văn kinh nói “các thiện nam tử, ở khoảng giữa ấy, Ta nói Phật Nhiên Đăng v.v... lại nói “Phật kia nhập vào Niết-bàn” như đây đều là phương tiện phân biệt” tức là gom Tích môn để hiển bày ý căn Bản môn.

“Trụ ở Bản môn để hiển bày Bản môn” là căn cứ ở ý Bản môn của Phật như nói “Bồ-tát ở phương dưới trụ giữa hư không, Pháp thân Phật vì Pháp thân Bồ-tát mà nói pháp, Pháp thân tu đạo thuần chỉ nói một thừa”. Văn kinh nói “thế giới Sa-bà thuần lấy vàng ròng làm đất, trời người đều đầy đủ” lại nói “các người thấy bị hủy diệt hết nhưng cõi nước thanh tịnh của ta không bị hủy diệt” có thể quán thâm sâu như thế chính là tướng tin hiểu thâm sâu, nên thường trụ ở Bản môn này mà thường xuyên hiển bày Bản môn. Văn kinh nói “từ xưa Ta thành Phật đến nay rất lâu xa, tuổi thọ có vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thường trụ không diệt” há chẳng phải là trụ ở Bản môn để hiển bày Bản môn!

“Trụ vào Tích môn để hiển bày Bản môn” là căn cứ ở ý của Tích môn tức đức Thích Ca trụ ở “sanh thân” mà hiển bày một thừa. Do hiển bày một thừa Cổ Phật và Bảo tháp vọt ra, tháp vọt ra cho nên triệu thỉnh

Pháp thân, “phân thân” tụ tập lại cho nên mới tìm kiếm người hoằng truyền kinh, phương dưới xuất hiện tìm người hoằng truyền kinh nên phương dưới Di Lạc xuất hiện nghi hỏi, do hỏi nên nói “tuổi thọ dài xa” để khơi dậy chấp mà phát sanh nghi. Đây là trụ ở Tích môn để hiển bày Bản môn như văn kinh nói “Ta dùng Phật nhãn quan sát các căn tín v.v... cho đến nhiều loại phương tiện để nói pháp vi diệu có thể khiến cho chúng sanh phát tâm vui mừng”.

“Trụ chẳng phải Tích môn, chẳng phải Bản môn mà hiển bày Bản môn” nghĩa là ước định ở tuyệt dứt nói năng, sâu xa gom lại tức là chẳng phải Bản môn chẳng phải Tích môn mà có thể Tích môn và Bản môn. Xưa kia chẳng phải Tích môn mà rũ xuống Tích môn, nay chẳng phải bản môn mà hiển bày Bản môn cho nên văn kinh nói “chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải dị, sự việc như vậy Như lai đều thấy rõ hết”.

Che tích mà hiển bày bản” cũng ước định ở nhiều nguyên do làm căn cơ cảm ứng. Nếu chấp vào Tích môn thì gây chướng ngại Bản môn cho nên phải che đậy khiến không chấp. Do đối với căn cơ sau mà lại phải dùng Tích môn cho nên mới có lực “sư tử phấn tấn” như văn kinh nói “dùng chừng ấy ngôn từ, nhân duyên, thí dụ, nhiều cách thuyết pháp để làm Phật sự chưa từng tạm bỏ”.

Trụ Tích môn mà dụng Bản môn” nghĩa là như trên nói trụ vào Tích môn để hiển bày Bản môn chỉ là trong tích, tùy vào căn cơ, phương tiện để hiển bày lý căn bản địa. Nay nói trụ vào Tích môn mà dùng Bản môn tức là Tích môn của khoảng trung gian ấy đến “đạo thọ” số số sanh diệt với sự việc và thân khác đều dùng nhân quả thật căn bản địa, cho đến dùng đủ loại pháp căn bản vì các chúng sanh mà làm Phật sự” nên nói “trụ vào Tích môn mà dụng Bản môn”. Đây là căn cứ ở thầy để hiểu. Nếu ước định đệ tử thì ứng với quyển thuộc vi diệu thời xưa tức trụ ở “quyền tích” nêu ra hình ảnh chín đường mà dùng “bản pháp” làm lợi ích cho chúng sanh. Văn kinh nói “nhưng Ta nay chẳng phải thật diệt độ mà bèn xuống lên diệt độ, Như Lai dùng phương tiện ấy để giáo hóa chúng sanh” tức là trụ ở Tích môn nhưng dùng diệt độ xưa kia để chỉ ra diệt độ.

“Trụ bản mà dụng tích” nghĩa là trụ ở “bản địa” bất động nhưng Tích môn phủ khắp pháp giới. Do chẳng phải sanh hiện sanh, chẳng phải diệt hiện diệt nên thường dùng Tích môn này khiến lợi ích thấm nhuần khắp cả chúng sanh. Nghĩa này là căn cứ vào thầy mà nói. Nếu dựa vào đệ tử thì chính Pháp thân Bồ-tát lấy “pháp bất trụ” mà trụ ở

bản địa không có quyền biến toan tính ước dụng của Tích môn vô tận. Văn kinh nói “lại nữa, Thiện nam tử! Pháp của các đức Phật Như Lai đều như vậy, vì độ chúng sanh nên đều thật không hư” tức là Phật phân tán đến các duyên. Văn ít không thể liệt kê nay, đầu đề đến chứng nghĩa dẫn ra văn của Thọ lượng đã xong. Nếu phá Tích môn mà hiển bày Bản môn và gom Tích môn để hiển bày Bản môn thì riêng dụng nhân vi diệu, còn khai mở Tích môn để hiển bày Bản môn là riêng luận về dùng quả vi diệu căn Bản môn, trụ ở Bản môn để hiển bày Bản môn là riêng dùng cội nước vi diệu căn Bản môn, bỏ Tích môn để hiển bày Bản môn là riêng luận về dụng thuyết pháp vi diệu căn Bản môn, trụ vào chẳng phải Tích môn, chẳng phải Bản môn là riêng luận về dụng cảm ứng vi diệu căn Bản môn, che Tích môn để hiển bày Bản môn là riêng luận về dụng thần thông vi diệu căn Bản môn, trụ vào Tích môn mà dùng Bản môn là riêng luận về dụng thọ mạng vi diệu căn Bản môn cũng là dụng quyền thuộc vi diệu căn bản môn, trụ vào Bản môn để dụng Tích môn là riêng luận về dụng Niết-bàn vi diệu căn Bản môn, cũng là lợi ích vi diệu căn Bản môn v.v...

- “Kết thành tất-đàn” nghĩa là mười công dụng của hai trí quyền và thật có sự bất đồng. Điều này có nghĩa chỉ dùng một âm diễn thuyết mà tùy loài đều được hiểu. Trong Tích môn, phá và phế bỏ khiến “bày loại phương tiện” khai mở tri kiến Phật, trong Bản môn, phá và phế bỏ khiến hàng sa Bồ-tát đoạn nghi mà tăng trưởng đạo tức đều là ý của bốn Tất-đàn thành thực chúng sanh. Nay gom mười công dụng này làm bốn Tất-đàn nhưng trước hết gom Tích môn và kế đến gom Bản môn. Tích môn lại chia thành hai phần: Trước hết gom riêng biệt và kế đến gom thông suốt.

Gom riêng biệt là khai mở ba thừa để hiển bày một thừa, trụ ở ba thừa mà dụng một thừa, gom ba thừa quy về một thừa. Ba điều này thuộc về “vị nhưn tất-đàn” vì sao? Vì vốn tích tập ba thừa này. Nay lại ước định ba pháp mà tu một pháp chứ không có sửa đổi đường lối cũ mà chỉ quán sâu ba pháp ấy một lý tự nhiên hiển bày. Do trong ba có một nên không cần phải lấy hai bỏ. Vì thế khai mở ba thừa để hiển bày một thừa thuộc về “vị nhưn tất-đàn”. “Trụ ba mà dụng một” cũng như vậy. Đây là dựa vào ba đạo mà tu một đạo. Như Phú Lô Na chỉ trụ ở Thanh văn mà tự làm lợi ích, cũng có thể làm lợi ích đồng với bậc phạm hạnh tức là không cải đổi ba pháp mà có thể sanh hiểu biết một pháp, đều thuộc về “vị nhưn tất-đàn”. Nếu “phá ba, bỏ ba, che ba” thì thuộc về “đối trị Tất-đàn”. Điều ấy phong kín ba, nghi một chệ bai nhằm phá

tình chấp, phước bỏ quyền giáo mà bí mật che đậy quyền pháp khiến tâm bệnh chấp được trừ diệt để nhập vào một đạo thật như nói “an trụ trong thật trí”. “Trụ vào ba mà hiển bày một, trụ vào một mà dụng ba” là thuộc về “thế giới Tất đàn” vì lấy ưa muốn chúng sanh làm căn bản. Nếu chúng sanh muốn đạt được đạo của ba thừa, thì không muốn nghe sự giáo hóa “một thật” cho nên Phật tự trụ ở một thừa đồng với kia mà nói ba. Lại nữa, duyên của ba thừa khác nhau như thế giới cách biệt cho nên gọi là “thế giới Tất đàn”. Nếu “trụ vào ba mà hiển bày một” thì cũng như “thế giới Tất đàn”, vì sao? Vì Phật tùy theo ở pháp, người mà trụ ở phương tiện điều hòa thuận thực khiến hiển bày một thừa cho nên thuộc về “thế giới Tất đàn”. “Trụ vào một mà hiển bày một, trụ vào chẳng phải ba chẳng phải một mà hiển bày một” tức thuộc về “Đệ nhất nghĩa Tất đàn”.

Gom thông suốt bốn Tất đàn tức là phá ba thừa để hiển bày một thừa mà có được “bốn thứ lợi ích”, vì sao? Vì người quân tử thì thích nghe lỗi của mình còn kẻ tiểu nhân lại ghét nghe nhận xét về mình nên muốn biết lỗi ắt phải cải đổi. Cũng vậy, nếu phá trừ bệnh chấp thì vui vẻ phụng hành tức là “thế giới Tất đàn”. Nếu chấp vào “trụ ba thừa” mà không tăng tiến đạo thì từ một phá ba khiến tâm giác ngộ sanh và thiện pháp tăng trưởng tức gọi là “vị nhưn Tất đàn”. Nếu chấp vào “ba” là bệnh còn nói “một” làm vui thì gọi là đối trị Tất đàn”. Nếu nghe nói “ba” mà được thấy lý thì gọi là “Đệ nhất nghĩa Tất đàn”. Chín loại còn lại, theo thông lệ cũng thế cho nên biết sự khéo léo của Phật xứng hợp căn duyên, đều khiến được lợi ích. Đây là lực của bốn Tất đàn v.v...

Kết hợp mười công dụng căn Bản môn cũng có hai ý: riêng biệt và thông suốt. Nếu trụ vào Tích môn để hiển bày Bản môn, trụ vào Bản môn mà dụng Tích môn thì thuộc về “thế giới Tất đàn”, cũng gọi là tùy theo ưa muốn của chúng sanh như trước đã giải thích. Nếu khai mở Tích môn để hiển bày Bản môn, gom Tích môn để hiển bày Bản môn, trụ Tích môn mà dụng Bản môn thì thuộc “vị nhưn Tất đàn” do vì không cải đổi con đường tu, lại ước định ở bản pháp mà tu để hiển bày Bản môn như trước đã giải thích. Nếu phá Tích môn, bỏ Tích môn, che Tích môn thì thuộc về “đối trị Tất đàn”. Nếu trụ Bản môn để hiển bày Bản môn, trụ vào chẳng phải Bản môn chẳng phải Tích môn mà hiển bày Bản môn thì thuộc về “Đệ nhất nghĩa Tất đàn” như trước đã giải thích. Kế đến thông suốt ước định vào một khoa để kết hợp “bốn Tất đàn” cũng như trước đã giải thích. Chín điều còn lại theo thông lệ cũng nên hiểu đầy đủ như vậy v.v...

- Sự đồng và khác của Tất đàn nghĩa là kinh khác cũng dùng “bốn Tất đàn” để phá ba thừa mà hiển bày một thừa, phá Tích môn mà hiển bày Bản môn, nhưng có khác với kinh này và được phân làm hai mục: 1. Tích môn nêu ra khác; 2. Bản môn nêu ra khác. Tích môn khác nghĩa là trong Tam tạng giáo cũng dụng bốn Tất đàn với ý phá, phế bỏ v.v... nhưng vì Niết-bàn hữu dư và vô dư v.v... Trong Đại Phẩm và Bát-nhã cũng dùng bốn Tất đàn với ý phá, lập, phế bỏ v.v... nhưng chỉ ngộ chân lý mà chưa thể viên mãn lâu dài v.v... Trong Phương Đẳng cũng phá ba thừa mà hiển bày một thừa nhưng đối với hàng Bồ-tát thì có một phần đồng, còn hàng Nhị thừa không thể nhập vào chơn thật. Do vậy, mười vị đệ tử bị Tịnh Danh quở trách là rơi vào tám tà kiến nên không thể nhập vào “số chúng”. Đây là ngôn ngữ phá và trách mắng để xứng dương khen ngợi “đạo đại thừa không thể nghĩ bàn” tức đều dụng ý của bốn Tất đàn mà hàng Nhị thừa không ngộ. Kinh này dùng ý của bốn Tất đàn nhưng khiến hàng nhị thừa được đoạn nghi, trừ chấp mà nhập vào đạo chơn chánh và được thọ ký làm Phật cho nên biết kinh này dùng sự khéo léo vi diệu của bốn Tất đàn. Văn kinh nói “ngôn từ nhu nhuyễn có thể điều phục tâm của chúng” hay Thân Tử lãnh hiểu mà nói “Phật dùng nhiều loại nhân duyên, thí dụ khéo léo khiến tâm kia an ổn như biển; con nghe lưới nghi đều đứt và được an trụ trong thật trí” tức là nghĩa ấy.

Hỏi: Pháp Hoa hiển bày một thừa, lại nhờ vào trước (Kinh trước) đã phá, nếu không có điều phục thuần thực trước thì nay cũng không hiểu ư?

Đáp: Ngày nay được ngộ là nhờ vào xưa kia đã chê trách trước, nhưng công đức thuộc về kinh này nên nói chẳng phải do kia mà được. Ví như một trăm người cùng vây bắt một tên cướp sức lực vây bắt thật sự là nhờ cậy vào “nhiều người” có thể tóm lấy tên cướp nhưng người có thể nắm bắt lấy tên giặc thì được thưởng, không thuộc về trăm người kia v.v... kinh này khai mở quyền trí để hiển bày thật trí với dụng lớn của bốn Tất đàn rất là hùng mãnh v.v... Do đó sự phát khởi Tích môn để hiển bày Bản môn và bốn Tất đàn vĩnh viễn khác với các kinh, vì sao? Vì trong Tích môn lực dụng đã nêu ra các giáo và trong Bản môn mười dụng so với các kinh không được một, hướng hồ có mười. Trong Tích môn, Tất đàn đã xuất ra các kinh và trong Bản môn Tất đàn, so với các kinh không có một hướng hồ lại có bốn. Ý vốn như vậy nên có thể hiểu chứ không cần phải ghi chép nhiều nữa.